CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Số : 02/2017/NTW-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Nhơn Trạch, Ngày 06 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 02/2017

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 48 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 48 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý, Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1. Khu vực: Khu công nghiệp, khu dân cư và Trung tâm huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Phân xưởng nước Nhơn Trạch	12	12	12	0	12	0	0
2. Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu và xã Phú Đông huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước	12	12	12	0	12	0	0
Cộng		24	24	24	0	24	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- Kết luận: Chất lượng nước tại các nhà máy, trạm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

Trân trọng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Võ Quang Hồng

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 0319/KQXN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ISO 9001:2008

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00313.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 08/02/2017
Ngày trả kết quả : 22/02/2017
Địa điểm lấy mẫu : Bể chứa công ty

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc<3MPN/100ml	
2	*Tổng số Coliform*	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	*Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186 : 1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	*Clo dư*	Chlorine Test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	*Độ cứng toàn phần*	SMEWW 2340C - 2012	48,0 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	*Độ đục*	TCVN 6184: 2008	0,82 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	*Độ pH*	TCVN 6492 : 2011	6,56	6,5 - 8,5	
8	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194 : 1996	13,34 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	*Hàm lượng Mangan Tổng số*	TCVN 6002 :1995	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180:1996	9,21 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	*Hàm lượng Nitrite*	TCVN 6178:1996	không phát hiện	≤ 3,0 mg/l	
12	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3500 Fe B	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	2,28 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	*Màu sắc*	TCVN 6185: 2008	không phát hiện	≤ 15,0 Pt	
15	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.
Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2017

P. **TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**

Phạm Minh Tiến

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH ĐỒNG NAI

Bạch Thái Bình

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0320/KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00314.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 08/02/2017
Ngày trả kết quả : 22/02/2017
Địa điểm lấy mẫu : Công ty Hua Lon- Ngã tư Tín Nghĩa

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc<3MPN/100ml	
2	*Tổng số Coliform*	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	*Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186 : 1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	*Clo dư*	Chlorine Test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	*Độ cứng toàn phần*	SMEWW 2340C - 2012	40,0 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	*Độ đục*	TCVN 6184: 2008	0,67 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	*Độ pH*	TCVN 6492 : 2011	6,54	6,5 - 8,5	
8	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194 : 1996	11,23 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	*Hàm lượng Mangan Tổng số*	TCVN 6002 :1995	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180:1996	9,90 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	*Hàm lượng Nitrite*	TCVN 6178:1996	không phát hiện	≤ 3,0 mg/l	
12	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3500 Fe B	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	2,51 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	*Màu sắc*	TCVN 6185: 2008	không phát hiện	≤ 15,0 Pt	
15	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.
Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2017

P. **TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**

Phạm Minh Tiến

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Bạch Thái Bình

Đ/C: 01 Đồng Khởi, Phường Trảng Dài, Tp.Biên Hòa-Đồng Nai.
ĐT: (061) 3890340 - Fax: (061) 3897208 - Email:ttytdp@vnn.vn

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 0321 /KQXN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ISO 9001:2008

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00315.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 08/02/2017
Ngày trả kết quả : 22/02/2017
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Nhơn Trạch

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc<3MPN/100ml	
2	*Tổng số Coliform*	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	*Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186 : 1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	*Clo dư*	Chlorine Test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	*Độ cứng toàn phần*	SMEWW 2340C - 2012	6,00 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	*Độ đục*	TCVN 6184: 2008	0,34 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	*Độ pH*	TCVN 6492 : 2011	7,23	6,5 - 8,5	
8	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194 : 1996	< 5,00 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	*Hàm lượng Mangan Tổng số*	TCVN 6002 :1995	không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
10	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180:1996	5,20 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	*Hàm lượng Nitrite*	TCVN 6178:1996	không phát hiện	≤ 3,0 mg/l	
12	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3500 Fe B	không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
13	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	không phát hiện	≤ 250 mg/l	
14	*Màu sắc*	TCVN 6185: 2008	không phát hiện	≤ 15,0 Pt	
15	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.
Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2017

P. **TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**

Phạm Minh Tiến

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH ĐỒNG NAI

Bạch Thái Bình

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 0322/KQXN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00316.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước máy**

Lượng mẫu : 1000 + 200 ml

Ngày nhận mẫu : 08/02/2017

Ngày trả kết quả : 22/02/2017

Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc<3MPN/100ml	
2	*Tổng số Coliform*	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	*Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186 : 1996	0,80 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	*Clo dư*	Chlorine Test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	*Độ cứng toàn phần*	SMEWW 2340C - 2012	34,0 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	*Độ đục*	TCVN 6184: 2008	0,38 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	*Độ pH*	TCVN 6492 : 2011	7,19	6,5 - 8,5	
8	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194 : 1996	124,25 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	*Hàm lượng Mangan Tổng số*	TCVN 6002 :1995	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180:1996	12,25 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	*Hàm lượng Nitrite*	TCVN 6178:1996	không phát hiện	≤ 3,0 mg/l	
12	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3500 Fe B	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	2,40 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	*Màu sắc*	TCVN 6185: 2008	không phát hiện	≤ 15,0 Pt	
15	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2017

P. **TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**

Phạm Minh Tiến

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Bạch Thái Bình

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 0323 / KQXN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00317.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 08/02/2017
Ngày trả kết quả : 22/02/2017
Địa điểm lấy mẫu : Hộ ông Lê Văn Ba-ấp Cầu Kê- Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc<3MPN/100ml	
2	*Tổng số Coliform*	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	*Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186 : 1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	*Clo dư*	Chlorine Test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	*Độ cứng toàn phần*	SMEWW 2340C - 2012	32,0 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	*Độ đục*	TCVN 6184: 2008	0,37 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	*Độ pH*	TCVN 6492 : 2011	7,25	6,5 - 8,5	
8	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194 : 1996	122,84 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	*Hàm lượng Mangan Tổng số*	TCVN 6002 :1995	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180:1996	11,84 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	*Hàm lượng Nitrite*	TCVN 6178:1996	không phát hiện	≤ 3,0 mg/l	
12	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3500 Fe B	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	2,46 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	*Màu sắc*	TCVN 6185: 2008	không phát hiện	≤ 15,0 Pt	
15	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.
Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Biên Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2017

P. **TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**

Phạm Minh Tiến

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH ĐỒNG NAI

Bạch Thái Bình

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

Số: 0324 /KQXN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ISO 9001:2008

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00318.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 08/02/2017
Ngày trả kết quả : 22/02/2017
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện xã Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc<3MPN/100ml	
2	*Tổng số Coliform*	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	*Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186 : 1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	*Clo dư*	Chlorine Test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	*Độ cứng toàn phần*	SMEWW 2340C - 2012	34,0 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	*Độ đục*	TCVN 6184: 2008	0,54 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	*Độ pH*	TCVN 6492 : 2011	7,25	6,5 - 8,5	
8	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194 : 1996	122,84 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	*Hàm lượng Mangan Tổng số*	TCVN 6002 :1995	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180:1996	12,13 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	*Hàm lượng Nitrite*	TCVN 6178:1996	không phát hiện	≤ 3,0 mg/l	
12	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3500 Fe B	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	1,13 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	*Màu sắc*	TCVN 6185: 2008	không phát hiện	≤ 15,0 Pt	
15	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.
Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2017

P. **TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**

Phạm Minh Tiến

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH ĐỒNG NAI

Bạch Thái Bình

Đ/C: 01 Đồng Khởi, Phường Trảng Dài, Tp.Biên Hòa-Đồng Nai.
ĐT: (061) 3890340 - Fax: (061) 3897208 - Email:ttytdp@vnn.vn